

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B01-01	Bùi Thúy An	814	27	6.8
B01-02	Nguyễn Phương Anh	811	39	9.8
B01-03	Trần Phương Anh	814	39	9.8
B01-04	Mai Quỳnh Anh	813	36	9
B01-05	Nguyễn Cửu Thị Vân Anh	812	33	8.3
B01-06	Trương Đăng Linh Đăng	813	39	9.8
B01-07	Phan Thị Hương Giang	813	39	9.8
B01-08	Huỳnh Thanh Giàu	814	34	8.5
B01-09	Trần Thanh Hằng	813	37	9.3
B01-10	Nguyễn Thị Thu Hằng	812	38	9.5
B01-11	Dương Thị Mỹ Hào	812	35	8.8
B01-12	Nguyễn Thị Thu Huyền	811	34	8.5
B01-13	Trần Gia Khang	814	39	9.8
B01-14	Nguyễn Quốc Khang	813	37	9.3
B01-15	Ngô Trần Anh Khoa	812	33	8.3
B01-16	Lê Trần Tuấn Kiệt	812	37	9.3
B01-17	Trần Minh Mai	814	36	9
B01-18	Nguyễn Thị Ngọc Mai	813	37	9.3
B01-19	Phạm Ngọc Kim Ngân	811	39	9.8
B01-20	Nguyễn Hồng Khánh Ngân	814	39	9.8
B01-21	Trần Nguyễn Bảo Ngân	813	37	9.3
B01-22	Phan Thị Nhân	814	35	8.8
B01-23	Lê Ngọc Yến Nhi	814	37	9.3
B01-24	Vũ Lê Yên Nhi	811	39	9.8
B01-25	Nguyễn Thanh Thảo	813	33	8.3
B01-26	Nguyễn Thị Thanh Thảo	814	37	9.3
B01-27	Bach Sỹ Thanh Thịnh	811	38	9.5
B01-28	Trần Uyên Thư	814	38	9.5
B01-29	Nguyễn Vũ Hà Tiên	812	35	8.8
B01-30	Hồ Ngọc Bảo Trâm	813	37	9.3
B01-31	Nguyễn Minh Trí	813	38	9.5
B01-32	Đỗ Mai Xuân Trường	814	32	8
B01-33	Thái Thị Cẩm Tú	814	23	5.8
B01-34	Lại Huyền Phương Uyên	811	39	9.8
B01-35	Dương Thị Tú Uyên	814	39	9.8
B01-36	Diệp Thanh Ý	811	38	9.5
B01-37	Nguyễn Huỳnh Như An	815	20	5
B01-38	Trần Võ Thanh Nga	815	13	3.3
B01-39	Nguyễn Tuấn Mạnh	815	36	9
B01-40	Lê Thanh Hiền	812	33	8.3
B01-41				
B01-42				
B01-43				
B01-44				
B01-45				
B01-46				
B01-47				
B01-48				
B01-49				
B01-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B02-01	Huỳnh Trần Minh An	813	39	9.8
B02-02	Lương Lý Ý An	812	36	9
B02-03	Đỗ Thiên Ân	814	36	9
B02-04	Đỗ Vũ Văn Anh	811	36	9
B02-05	Trần Thị Văn Anh	814	36	9
B02-06	Trần Nguyễn Khánh Bằng	812	38	9.5
B02-07	Nguyễn Thành Công	812	37	9.3
B02-08	Trần Thành Danh	811	37	9.3
B02-09	Lông Mỹ Hạnh	811	38	9.5
B02-10	Hà Lan Hương	811	39	9.8
B02-11	Võ Anh Khoa	811	39	9.8
B02-12	Lý Anh Khoa	814	37	9.3
B02-13	Lê Ngọc Khánh Linh	813	31	7.8
B02-14	Chí Quang Tuê Linh	812	33	8.3
B02-15	Phan Thị Thùy Linh	811	39	9.8
B02-16	Nguyễn Kim Ngân	812	39	9.8
B02-17	Trần Trung Nghĩa	812	39	9.8
B02-18	Võ Minh Nguyên	814	35	8.8
B02-19	Tạ Đông Nhi	812	39	9.8
B02-20	Cao Bảo Phúc	813	38	9.5
B02-21	Lê Hoàng Phước	814	39	9.8
B02-22	Hà Lan Phương	812	37	9.3
B02-23	Nguyễn Thảo Quyên	812	38	9.5
B02-24	Nguyễn Đỗ Như Quỳnh	811	34	8.5
B02-25	Trần Thị Tâm	813	35	8.8
B02-26	Nguyễn Văn Trí Thiện	813	38	9.5
B02-27	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	813	38	9.5
B02-28	Nguyễn Ngọc Minh Thư	812	32	8
B02-29	Lê Ngọc Minh Thư	811	38	9.5
B02-30	Huỳnh Đàm Thuý	811	36	9
B02-31	Nguyễn Thị Huyền Trang	812	37	9.3
B02-32	Vũ Tường Vân	811	38	9.5
B02-33	Mạch Đắc Vĩ	814	39	9.8
B02-34	Ngô Huỳnh Yến Vy	812	39	9.8
B02-35	Ngô Thị Thuý Vy	811	30	7.5
B02-36	Đặng Viên Nhật Vy	814	36	9
B02-37	Văn Hoàng Như Ý	813	39	9.8
B02-38	Võ Ngọc Hoàng Yến	811	32	8
B02-39	Trần Dương Hải Hạ	815	37	9.3
B02-40	Tô Vĩnh Phát	815	12	3
B02-41	Nguyễn Đăng Anh Thư	815	31	7.8
B02-42				
B02-43				
B02-44				
B02-45				
B02-46				
B02-47				
B02-48				
B02-49				
B02-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B03-01	Trần Hồng Ân	813	30	7.5
B03-02	Nguyễn Ngọc Hải Anh	813	33	8.3
B03-03	Nguyễn Phương Anh	812	35	8.8
B03-04	Đinh Thị Lan Anh	811	37	9.3
B03-05	Nguyễn Thị Lan Anh	814	37	9.3
B03-06	Trương Quỳnh Anh	813	33	8.3
B03-07	Võ Tuấn Anh	813	36	9
B03-08	Nguyễn Thế Ba	813	27	6.8
B03-09	Nguyễn Khoa Bảo	814	36	9
B03-10	Đường Y Bình	811	39	9.8
B03-11	Phan Tấn Chiến			
B03-12	Tôn Quốc Đại	814	38	9.5
B03-13	Trương Hải Đăng	812	26	6.5
B03-14	Huỳnh Thị Xuân Diệu	813	34	8.5
B03-15	Nguyễn Trọng Dương	811	24	6
B03-16	Nguyễn Lê Hà	813	30	7.5
B03-17	Phan Thị Thanh Hiền	811	39	9.8
B03-18	Lê Mạnh Hùng	812	39	9.8
B03-19	Phan Hoàng Huy	811	29	7.3
B03-20	Trần Phúc Khang	812	38	9.5
B03-21	Trần Đăng Khoa	813	37	9.3
B03-22	Trần Nguyên Khôi	811	37	9.3
B03-23	Nguyễn Thị Thanh Kiều	811	39	9.8
B03-24	Trần Thị Mỹ Lanh	811	38	9.5
B03-25	Vũ Đoàn Thảo Ly	812	39	9.8
B03-26	Đinh Viêt Quang Minh	812	36	9
B03-27	Bùi Thị Kim Ngân	811	39	9.8
B03-28	Trần Trịnh Bảo Ngọc	812	38	9.5
B03-29	Bùi Thị Bảo Ngọc	811	37	9.3
B03-30	Nguyễn Thị Anh Ngọc	814	39	9.8
B03-31	Nguyễn Khánh Nhi	813	35	8.8
B03-32	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	813	38	9.5
B03-33	Võ Thị Hồng Nhung	813	32	8
B03-34	Nguyễn Thiên Phúc	812	37	9.3
B03-35	Thái Kim Phụng	811	39	9.8
B03-36	Nguyễn Minh Quân	814	33	8.3
B03-37	Tô Minh Quý	814	37	9.3
B03-38	Bùi Ngọc Tâm	812	38	9.5
B03-39	Nguyễn Huỳnh Quang Thắng	814	25	6.3
B03-40	Phạm Trần Minh Thư	814	26	6.5
B03-41	Huỳnh Phương Thùy	811	35	8.8
B03-42	Nguyễn Phạm Đình Thuyết	811	33	8.3
B03-43	Nguyễn Minh Tiến	811	30	7.5
B03-44	Nguyễn Hùng Tiến	814	33	8.3
B03-45	Văn Thùy Trâm	812	39	9.8
B03-46	Dương Nguyễn Diệu Trâm	815	28	7
B03-47				
B03-48				
B03-49				
B03-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B04-01	Lê Cảnh Tuy Anh	811	31	7.8
B04-02	Nguyễn Chánh Tường Anh	814	38	9.5
B04-03	Lê Tú Anh	813	31	7.8
B04-04	Hồ Gia Bảo	813	33	8.3
B04-05	Phan Trần Thục Chi	814	38	9.5
B04-06	Võ Lê Hải Đăng	811	38	9.5
B04-07	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	811	39	9.8
B04-08	Phạm Phi Dũng	813	35	8.8
B04-09	Trần Quốc Hải	811	34	8.5
B04-10	Nguyễn Quốc Hào	814	35	8.8
B04-11	Lê Minh Hiếu	814	33	8.3
B04-12	Lê Quốc Hưng	812	36	9
B04-13	Trần Thanh Hương	814	35	8.8
B04-14	Dương Minh Huy	814	39	9.8
B04-15	Kim Tấn Khang	811	31	7.8
B04-16	Nguyễn Lê Thập Khang	814	35	8.8
B04-17	Phạm Cao Khiêm	813	36	9
B04-18	Nguyễn Vương Đăng Khoa	812	23	5.8
B04-19	Nguyễn Đăng Khoa	811	32	8
B04-20	Bùi Võ Minh Khôi	814	37	9.3
B04-21	Trương Hoàng Lam	814	35	8.8
B04-22	Phạm Thị Ngọc Lan	812	38	9.5
B04-23	Phạm Văn Linh	814	37	9.3
B04-24	Thái Thị Linh	813	39	9.8
B04-25	Phạm Thị Hồng Mai	812	35	8.8
B04-26	Hồ Văn Mạnh	814	37	9.3
B04-27	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	813	37	9.3
B04-28	Võ Thị Thu Nguyệt	811	38	9.5
B04-29	Trương Thị Hồng Nhi	814	37	9.3
B04-30	Đỗ Yến Nhi	811	38	9.5
B04-31	Ngô Vũ Thành Phát	812	37	9.3
B04-32	Trần Gia Phát	811	35	8.8
B04-33	Lê Huỳnh Minh Phú	811	39	9.8
B04-34	Lê Ngọc Phúc	811	39	9.8
B04-35	Nguyễn Thị Linh Phương	811	39	9.8
B04-36	Phạm Thanh Thảo	811	37	9.3
B04-37	Phan Yến Thảo	812	38	9.5
B04-38	Lâm Ngọc Anh Thư	813	34	8.5
B04-39	Vũ Duy Thức	813	28	7
B04-40	Vũ Nguyễn Diễm Thùy	814	39	9.8
B04-41	Nguyễn Thị Huyền Trân	813	33	8.3
B04-42	Nguyễn Minh Trí	812	38	9.5
B04-43	Bùi Vũ Minh Trật	813	38	9.5
B04-44	Trần Ngọc Phương Uyên	813	38	9.5
B04-45	Nguyễn Quốc Vinh	814	39	9.8
B04-46	Trần Duy Vương	813	33	8.3
B04-47	Hồ Ngọc Phương Vy	813	37	9.3
B04-48				
B04-49				
B04-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B05-01	Đinh Vĩ Ân	812	38	9.5
B05-02	Lê Ngọc Thi Ân	811	39	9.8
B05-03	Nguyễn Bảo Trâm Anh	812	31	7.8
B05-04	Lê Thị Hoàng Anh	811	32	8
B05-05	Nguyễn Phi Quốc Bảo	812	33	8.3
B05-06	Nguyễn Sinh Cầu	811	31	7.8
B05-07	Tô Anh Đức	812	38	9.5
B05-08	Nguyễn Thùy Dương	814	39	9.8
B05-09	Trương Đoàn Lê Duy	812	35	8.8
B05-10	Vũ Thị Thu Duyên	813	37	9.3
B05-11	Hồ Hoàng Giang	812	36	9
B05-12	Lê Thị Ngọc Hân	812	38	9.5
B05-13	Võ Quang Hiếu	813	37	9.3
B05-14	Nguyễn Thái Hoà	813	39	9.8
B05-15	Nguyễn Thị Xuân Hương	813	37	9.3
B05-16	Nguyễn Gia Huy	813	24	6
B05-17	Trần Gia Huy	812	31	7.8
B05-18	Nguyễn Hoàng Khang	813	36	9
B05-19	Nguyễn An Khang	812	39	9.8
B05-20	Lương Hoàng Nguyên Khang	811	26	6.5
B05-21	Cao Kim Khánh	813	36	9
B05-22	Nguyễn Gia Khánh	812	32	8
B05-23	Nguyễn Đăng Khánh	811	37	9.3
B05-24	Nguyễn Đăng Khôi	813	33	8.3
B05-25	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	812	37	9.3
B05-26	Phương Hoàng Minh Khôi	811	31	7.8
B05-27	Trần Nguyễn Trung Kiên	813	36	9
B05-28	Lê Trịnh Bích Liên	814	39	9.8
B05-29	Phạm Cao Minh Long	812	34	8.5
B05-30	Nguyễn Lê Ngọc Ly	811	38	9.5
B05-31	Nguyễn Hải Minh	811	32	8
B05-32	Vũ Hoài Nam	814	38	9.5
B05-33	Lê Võ Vương Nghi	814	38	9.5
B05-34	Lê Như Ngọc	813	36	9
B05-35	Trần Lê Phúc Nguyên	812	30	7.5
B05-36	Trần Mai Thanh Nhân	811	37	9.3
B05-37	Phạm Bùi Yến Nhi	812	38	9.5
B05-38	Nguyễn Hoàng Tuyết Nhi	813	38	9.5
B05-39	Ngô Thiều Yến Nhi	814	37	9.3
B05-40	Nguyễn Đoàn Quỳnh Như	812	35	8.8
B05-41	Võ Huỳnh Phước	813	32	8
B05-42	Hoàng Văn Thắng	813	38	9.5
B05-43	Hồ Diệp Thảo	813	35	8.8
B05-44	Trần Thanh Thúy	813	38	9.5
B05-45	Nguyễn Đức Trí	811	32	8
B05-46	Nguyễn Thị Thu Uyên	812	34	8.5
B05-47	Hà Nguyễn Như Ý	812	32	8
B05-48				
B05-49				
B05-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B06-01	Vũ Thị Ngọc Diệp	814	30	7.5
B06-02	Nguyễn Thị Ngọc Dung	812	29	7.3
B06-03	Nguyễn Thành Đạt	813	38	9.5
B06-04	Mai Vũ Nguyên Đức	811	39	9.8
B06-05	Đặng Thanh Hải	814	25	6.3
B06-06	Nguyễn Tấn Hùng	811	34	8.5
B06-07	Nguyễn Thanh Huy	811	36	9
B06-08	Trần Đăng Huy	814	28	7
B06-09	Vũ Quang Huy	813	36	9
B06-10	Lê Đăng Khởi	814	38	9.5
B06-11	Phan Tùng Lâm	813	37	9.3
B06-12	Nguyễn Thị Thủy Linh	812	35	8.8
B06-13	Nguyễn Trần Yến Linh	811	35	8.8
B06-14	Trần Quốc Lĩnh	812	32	8
B06-15	Nguyễn Thiên Lộc	813	33	8.3
B06-16	Nguyễn Hải Minh	814	36	9
B06-17	Vũ Ngọc Minh	813	35	8.8
B06-18	Lê Thị Kiều My	812	36	9
B06-19	Lương Nguyễn Ti Na	811	39	9.8
B06-20	Khổng Nhật Nam	813	37	9.3
B06-21	Nguyễn Thanh Ngân	814	37	9.3
B06-22	Nguyễn Thị Minh Ngọc	812	31	7.8
B06-23	Nguyễn Nhan Như Ngọc	811	29	7.3
B06-24	Nguyễn Lê Phúc Nguyên	811	32	8
B06-25	Nguyễn Trọng Phát	814	33	8.3
B06-26	Thái Trường Phong	814	39	9.8
B06-27	Phạm Tân Phú	814	26	6.5
B06-28	Lưu Trọng Tài	814	34	8.5
B06-29	Hồ Minh Thái	811	38	9.5
B06-30	Nguyễn Trường Thanh	813	34	8.5
B06-31	Đỗ Ngọc Thịnh	812	38	9.5
B06-32	Vũ Duy Thống	811	32	8
B06-33	Bùi Trần Anh Thư	812	34	8.5
B06-34	Nguyễn Thạch Anh Thư	811	36	9
B06-35	Nguyễn Các Thuận	814	38	9.5
B06-36	Ngô Bảo Trang	811	34	8.5
B06-37	Nguyễn Hoàng Tú Trinh	814	37	9.3
B06-38	Nguyễn Thanh Trúc	813	36	9
B06-39	Khuất Đăng Trường	811	38	9.5
B06-40	Bùi Quốc Trường	812	33	8.3
B06-41	Dương Quốc Tú	811	34	8.5
B06-42	Nguyễn Anh Tú	812	36	9
B06-43	Trần Thái Tuấn	814	37	9.3
B06-44	Diệp Xuân Tuyết	814	38	9.5
B06-45	Trần Lê Yến Vy	812	39	9.8
B06-46	Hứa Lê Kiệt	815	37	9.3
B06-47				
B06-48				
B06-49				
B06-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B07-01	Đỗ Nguyễn Tường An	811	39	9.8
B07-02	Nguyễn Đình Thiên Ân	814	25	6.3
B07-03	Huỳnh Kim Anh	814	38	9.5
B07-04	Dương Ngọc Châu	814	38	9.5
B07-05	Dương Khánh Hà	812	39	9.8
B07-06	Nguyễn Gia Hân	811	38	9.5
B07-07	Thông Thị Minh Hiền	813	28	7
B07-08	Tôn Thất Huy	812	37	9.3
B07-09	Đàm Huy Khang	814	31	7.8
B07-10	Nguyễn Anh Khoa	814	39	9.8
B07-11	Nguyễn Lê Minh Khoa	813	31	7.8
B07-12	Nguyễn Khánh Linh	814	39	9.8
B07-13	Nguyễn Phan Hiếu Nghi	813	39	9.8
B07-14	Trần Lê Bảo Ngọc	814	38	9.5
B07-15	Trần Xuân Nhật	813	35	8.8
B07-16	Trần Yến Nhi	811	37	9.3
B07-17	Phan Nguyễn Tuyết Nhi	812	38	9.5
B07-18	Nguyễn Hồ Uyên Nhi	813	39	9.8
B07-19	Trương Quang Nhị	811	39	9.8
B07-20	Ngô Mỹ Ngọc Như	811	39	9.8
B07-21	Dương Lê Nhựt	811	37	9.3
B07-22	Đặng Ngọc Phát	813	33	8.3
B07-23	Lê Quốc Phú	813	36	9
B07-24	Huỳnh Nam Phương	814	37	9.3
B07-25	Mai Trần Thiên Phương	813	34	8.5
B07-26	Phạm Lương Cát Phương	811	37	9.3
B07-27	Ngô Bình Minh Quân	813	39	9.8
B07-28	Trần Vĩnh Tài	813	30	7.5
B07-29	Ngô Nguyễn Thiên Thanh	812	38	9.5
B07-30	Phan Lê Tuấn Thành	813	38	9.5
B07-31	Lê Thị Thu Thảo	814	38	9.5
B07-32	Đoàn Quang Thịnh	813	32	8
B07-33	Hồ Ngọc Anh Thư	814	32	8
B07-34	Vũ Minh Thư	813	35	8.8
B07-35	Nguyễn Thị Thanh Thư	812	35	8.8
B07-36	Huỳnh Gia Toàn	812	34	8.5
B07-37	Huỳnh Ngọc Trán	812	37	9.3
B07-38	Khuê Lê Thực Trinh	811	23	5.8
B07-39	Nguyễn Minh Trinh	812	32	8
B07-40	Đặng Nguyễn Thanh Trúc	814	38	9.5
B07-41	Đoàn Thị Tường Vy	811	39	9.8
B07-42	Bùi Tường Vy	814	39	9.8
B07-43	Tăng Mạch Thanh Xuân	812	37	9.3
B07-44	Hà Khánh An	815	39	9.8
B07-45	Nguyễn Gia Thiện	815	18	4.5
B07-46				
B07-47				
B07-48				
B07-49				
B07-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B08-01	Đoàn Bình Phúc Ân	813	38	9.5
B08-02	Phạm Ngọc Lan Anh	813	34	8.5
B08-03	Nguyễn Phan Kỳ Anh	812	36	9
B08-04	Nguyễn Thị Khánh Băng	811	39	9.8
B08-05	Nguyễn Gia Bảo	811	31	7.8
B08-06	Hoàng Thiên Bảo	814	36	9
B08-07	Nguyễn Anh Bình	814	36	9
B08-08	Trương Phương Bình	813	31	7.8
B08-09	Thái Thành Danh	814	34	8.5
B08-10	Lê Ngọc Khang Duy	811	38	9.5
B08-11	Lê Đức Duy	814	39	9.8
B08-12	Vũ Tiến Đạt	812	39	9.8
B08-13	Nguyễn Đức Hiệp	811	37	9.3
B08-14	Phạm Huy Hoàng	813	39	9.8
B08-15	Trương Ngọc Huyền	814	35	8.8
B08-16	Bùi Huy Khang	813	26	6.5
B08-17	Bùi Nguyên Khánh	814	28	7
B08-18	Lê Tấn Kiệt	811	38	9.5
B08-19	Nguyễn Tuấn Kiệt	814	37	9.3
B08-20	Nguyễn Thị Thanh Loan	811	39	9.8
B08-21	Nguyễn Hồ Phi Long	811	38	9.5
B08-22	Võ Trương Thảo Ly	814	38	9.5
B08-23	Nguyễn Bình Thảo Ly	813	37	9.3
B08-24	Nguyễn Đặng Trà My	811	25	6.3
B08-25	Trần Thị Kim Ngân	813	39	9.8
B08-26	Nguyễn Dương Hoàng Nghi	812	30	7.5
B08-27	Ngô Huy Nhân	812	29	7.3
B08-28	Nguyễn Thành Nhân	813	30	7.5
B08-29	Nguyễn Minh Nhân	812	32	8
B08-30	Vũ Tiến Phát	812	39	9.8
B08-31	Nguyễn Gia Phú	812	39	9.8
B08-32	Trương Minh Quân	812	37	9.3
B08-33	Trần Đình Quang	813	29	7.3
B08-34	Thái Anh Quốc	813	36	9
B08-35	Huỳnh Quốc Thành	814	28	7
B08-36	Trịnh Phương Thảo	811	37	9.3
B08-37	Huỳnh Minh Thư	811	31	7.8
B08-38	Lê Bảo Tín	811	35	8.8
B08-39	Hồ Võ Thùy Trang	814	35	8.8
B08-40	Nguyễn Minh Trí	814	19	4.8
B08-41	Thủy Lê Thiên Trúc	811	37	9.3
B08-42	Phan Nam Trung	814	35	8.8
B08-43	Võ Ảnh Tuyết	813	35	8.8
B08-44	Đinh Phương Uyên	811	36	9
B08-45	Trần Vũ Khánh Vy	813	37	9.3
B08-46	Nguyễn Thị Hải Yến	813	38	9.5
B08-47	Võ Hoàng Ngọc Yến	812	35	8.8
B08-48				
B08-49				
B08-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B09-01	Trần Bảo Anh	811	33	8.3
B09-02	Lê Văn Anh	814	36	9
B09-03	Trương Hồng Ánh	812	35	8.8
B09-04	Lê Nguyễn Hồng Anh	811	36	9
B09-05	Đặng Thanh Bình	812	34	8.5
B09-06	Đinh Việt Duy	813	38	9.5
B09-07	Dương Nguyễn Anh Duy	812	36	9
B09-08	Đỗ Cao Đạt	811	32	8
B09-09	Nguyễn Võ Phúc Đức	814	31	7.8
B09-10	Trang Gia Hân	814	39	9.8
B09-11	Vũ Huỳnh Ngọc Hân	813	39	9.8
B09-12	Mai Xuân Hiếu	812	38	9.5
B09-13	Phạm Duy Hiếu	811	34	8.5
B09-14	Nguyễn Huy Hoàng	812	38	9.5
B09-15	Nguyễn Duy Hoàng	811	25	6.3
B09-16	Nguyễn Trọng Khánh Hoàng	814	34	8.5
B09-17	Lê Gia Huy	811	37	9.3
B09-18	Lý Gia Huy	814	38	9.5
B09-19	Phạm Quang Khải	812	38	9.5
B09-20	Nguyễn Đức Việt Khoa	812	36	9
B09-21	Triệu Đăng Khôi	813	38	9.5
B09-22	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	813	38	9.5
B09-23	Nguyễn Nhật Long	814	30	7.5
B09-24	Đoàn Công Mạnh	813	37	9.3
B09-25	Bùi Hoàng Minh	812	34	8.5
B09-26	Lê Duy Nhật Minh	811	38	9.5
B09-27	Nguyễn Ngọc Tuyết Ngân	812	32	8
B09-28	Đinh Đức Thảo Nguyên	814	34	8.5
B09-29	Nguyễn Thanh Phong	813	30	7.5
B09-30	Phan Thanh Phúc	814	30	7.5
B09-31	Nguyễn Thiện Phúc	813	36	9
B09-32	Võ Thị Như Quỳnh	814	38	9.5
B09-33	Nguyễn Chu Thiện Tâm	811	31	7.8
B09-34	Nguyễn Văn Tấn	813	39	9.8
B09-35	Đỗ Huy Thắng	812	37	9.3
B09-36	Trần Như Thảo	812	30	7.5
B09-37	Lê Thanh Thảo			
B09-38	Huỳnh Trần Quốc Thịnh	814	31	7.8
B09-39	Lê Hiền Thông	814	36	9
B09-40	Nguyễn Quốc Tịnh	813	39	9.8
B09-41	Huỳnh Minh Trí	813	33	8.3
B09-42	Nguyễn Đức Trung	811	34	8.5
B09-43	Nguyễn Phan Quốc Việt	813	38	9.5
B09-44	Đỗ Quốc Việt	812	39	9.8
B09-45	Nguyễn Quang Vinh	813	39	9.8
B09-46	Trần Quang Vũ	812	38	9.5
B09-47	Trần Mỹ Tường Vy	812	36	9
B09-48				
B09-49				
B09-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B10-01	Ngô Phạm Thùy An	814	34	8.5
B10-02	Văn Công Tuấn Anh	813	34	8.5
B10-03	Nguyễn Minh Anh	812	39	9.8
B10-04	Lê Văn Chi Bảo	813	36	9
B10-05	Ngô Nguyễn Phương Dung	811	34	8.5
B10-06	Ngô Ngọc Hân	812	38	9.5
B10-07	Nguyễn Thanh Hiền	814	39	9.8
B10-08	Trình Thị Thu Hiền	813	37	9.3
B10-09	Trương Quốc Hùng			
B10-10	Nguyễn Thị Huyền	813	34	8.5
B10-11	Ngô Hoàng Kha	813	37	9.3
B10-12	Đỗ Minh Khánh	813	38	9.5
B10-13	Lê Hoàng Anh Khoa	811	37	9.3
B10-14	Nguyễn Trương Hoàng Long	813	31	7.8
B10-15	Hồ Nhật Minh	814	38	9.5
B10-16	Lê Trần Như Ngọc	813	30	7.5
B10-17	Trần Huỳnh Khánh Ngọc	812	35	8.8
B10-18	Trần Thị Xuân Nhi	814	37	9.3
B10-19	Đỗ Lê Ngọc Như	814	36	9
B10-20	Lê Hải Phong	812	31	7.8
B10-21	Hoàng Nga Phương	812	37	9.3
B10-22	Dương Thị Ngọc Phương			
B10-23	Hồ Huỳnh Xuân Phương	811	38	9.5
B10-24	Lưu Quốc Tài	812	34	8.5
B10-25	Đoàn Hữu Trường Thành	811	36	9
B10-26	Tăng Hoài Thương	812	38	9.5
B10-27	Trình Thị Thanh Thủy	814	37	9.3
B10-28	Nguyễn Đăng Minh Thy	814	38	9.5
B10-29	Võ Thị Ngọc Thy	813	34	8.5
B10-30	Trần Đỗ Minh Tiến	813	39	9.8
B10-31	Nguyễn Lê Đoan Trang	813	39	9.8
B10-32	Nguyễn Hồ Minh Trí	812	37	9.3
B10-33	Tăng Ngọc Thanh Vân	814	39	9.8
B10-34	Đỗ Thị Yến Vi	812	37	9.3
B10-35	Huỳnh Trần Bảo Việt	811	34	8.5
B10-36	Phạm Lê Vinh	812	32	8
B10-37	Bùi Nguyễn Đức Vinh	811	22	5.5
B10-38	Lênh Phúc Vĩnh	813	31	7.8
B10-39	Lê Phước Anh Vũ	811	37	9.3
B10-40	Nguyễn Ngọc Yến	811	36	9
B10-41	Nguyễn Minh Tâm			
B10-42	Lê Bảo Anh Toàn	815	30	7.5
B10-43	Đinh Huỳnh Bảo Trân	811	35	8.8
B10-44	Vũ Khánh Duy	811	34	8.5
B10-45	Phạm Thanh Phúc	812	34	8.5
B10-46				
B10-47				
B10-48				
B10-49				
B10-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B11-01	Đỗ Phương Anh	811	39	9.8
B11-02	Đỗ Vũ Minh Anh	814	39	9.8
B11-03	Nguyễn Phương Bình	811	29	7.3
B11-04	Trần Đại Thanh Bình	814	39	9.8
B11-05	Vũ Hoàng An Bình	813	37	9.3
B11-06	Phạm Ngọc Bảo Châu	813	39	9.8
B11-07	Đào Văn Công			
B11-08	Mai Nguyễn Ngọc Diễm	813	38	9.5
B11-09	Phạm Nguyễn Quốc Đạt	814	39	9.8
B11-10	Huỳnh Trọng Đến	813	38	9.5
B11-11	Lê Xuân Hóa	811	39	9.8
B11-12	Nguyễn Phúc Hoàng	813	28	7
B11-13	Nguyễn Huy Hoàng	812	35	8.8
B11-14	Phan Gia Huy	813	29	7.3
B11-15	Hồ Gia Huy	812	39	9.8
B11-16	Lương Thị Như Huỳnh	811	39	9.8
B11-17	Trần Quang Khải	811	35	8.8
B11-18	Nguyễn Ngọc Minh	813	38	9.5
B11-19	Dương Cao Minh	812	32	8
B11-20	Hoàng Bảo Nghi	811	39	9.8
B11-21	Lê Nguyễn Hoàng Nguyên	813	39	9.8
B11-22	Phạm Khôi Nguyên	812	32	8
B11-23	Ân Trường Nhi	814	34	8.5
B11-24	Châu Huệ Nhi	813	38	9.5
B11-25	Vũ Hoàng Yến Nhi	812	37	9.3
B11-26	La Tấn Phát	811	39	9.8
B11-27	Phan Đồng Minh Quân	811	39	9.8
B11-28	Nguyễn Trần Thắng Quang	812	38	9.5
B11-29	Trần Kim Quỳnh	813	35	8.8
B11-30	Nguyễn Thành Tài	811	36	9
B11-31	Nguyễn Trung Thắng	811	28	7
B11-32	Nguyễn Thông	813	36	9
B11-33	Vũ Thụy Minh Thư	814	37	9.3
B11-34	Nguyễn Hoàng Minh Thư	813	35	8.8
B11-35	Nguyễn Phương Thùy	813	34	8.5
B11-36	Trần Lê Bích Trâm	811	31	7.8
B11-37	Khổng Nguyễn Minh Trâm	814	37	9.3
B11-38	Lê Phạm Bảo Trân	814	39	9.8
B11-39	Đỗ Minh Trí	811	38	9.5
B11-40	Trần Anh Tuấn	814	38	9.5
B11-41	Nguyễn Châu Nhật Tường	811	39	9.8
B11-42	Nguyễn Mai Giáng Tuyết	812	34	8.5
B11-43	Vũ Thị Thùy Vân	813	29	7.3
B11-44	Hồ Thị Thúy Vi	811	39	9.8
B11-45	Lương Phong Vũ	814	38	9.5
B11-46	Nguyễn Dương Thiên Ý	811	36	9
B11-47				
B11-48				
B11-49				
B11-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B12-01	Trần Khánh An	813	39	9.8
B12-02	Nguyễn Thị Mỹ Anh	814	38	9.5
B12-03	Đặng Quỳnh Anh	813	39	9.8
B12-04	Nguyễn Đăng Dũng	812	38	9.5
B12-05	Dư Nguyễn Hoàng Duy	814	37	9.3
B12-06	Huỳnh Nguyễn Gia Hân	811	39	9.8
B12-07	Nguyễn Phúc Hậu	814	39	9.8
B12-08	Dương Mỹ Hoà	812	39	9.8
B12-09	Nguyễn Ngọc Huy Hoàng	811	39	9.8
B12-10	Dư Thái Hồng	814	39	9.8
B12-11	Trần Thiện Huy	811	39	9.8
B12-12	Nguyễn Thành Khang	812	37	9.3
B12-13	Phan Quốc Khánh	812	39	9.8
B12-14	Hoàng Lê Đăng Khoa	814	37	9.3
B12-15	Đinh Tấn Kiệt	813	39	9.8
B12-16	Đoàn Thị Cẩm Ly	812	38	9.5
B12-17	Võ Anh Minh	811	39	9.8
B12-18	Quách Kim Mỹ	812	38	9.5
B12-19	Phùng Thị Kim Ngân	811	39	9.8
B12-20	Lê Phan Văn Nghĩa	811	39	9.8
B12-21	Võ Thành Nhân	814	39	9.8
B12-22	Lê Văn Nhân	811	39	9.8
B12-23	Nguyễn Phan Thảo Nhi	811	39	9.8
B12-24	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	814	38	9.5
B12-25	Nguyễn Trần Yến Như	813	39	9.8
B12-26	Nguyễn Hồng Nhung	812	39	9.8
B12-27	Nguyễn Thị Hằng Ny	814	39	9.8
B12-28	Huỳnh Đình Long Phi	811	39	9.8
B12-29	Nguyễn Danh Phú	811	39	9.8
B12-30	Nguyễn Thị Thu Phương	814	35	8.8
B12-31	Nguyễn Khương Tấn Tài	814	39	9.8
B12-32	Bùi Lê Thanh Thảo	813	38	9.5
B12-33	Nguyễn Thị Thanh Thảo	814	38	9.5
B12-34	Cao Hoàng Thông	812	39	9.8
B12-35	Ngô Đặng Anh Thư	812	38	9.5
B12-36	Trần Nguyễn Hào Tín	814	27	6.8
B12-37	Trần Thái Toàn	811	37	9.3
B12-38	Trương Thế Toàn	814	39	9.8
B12-39	Đinh Nguyễn Ngọc Thanh Trang	812	37	9.3
B12-40	Nguyễn Quốc Trung	812	39	9.8
B12-41	Trương Anh Tú	813	38	9.5
B12-42	Lê Thanh Tuấn	813	39	9.8
B12-43	Võ Hoàng Thảo Vy	811	39	9.8
B12-44	Đinh Ngọc Tường Vy	814	39	9.8
B12-45	Trần Ngọc Trường Vy	813	39	9.8
B12-46	Phạm Hoàng Hải Yến	814	39	9.8
B12-47				
B12-48				
B12-49				
B12-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B13-01	Nguyễn Quốc Bảo	812	39	9.8
B13-02	Đỗ Quốc Bảo	811	36	9
B13-03	Tô Tấn Đạt	813	37	9.3
B13-04	Bùi Thành Đạt	812	37	9.3
B13-05	Phan Đặng Quốc Đạt	811	39	9.8
B13-06	Trịnh Hương Giang	811	39	9.8
B13-07	Bùi Thị Kim Hằng	811	39	9.8
B13-08	Nguyễn Anh Hào	813	38	9.5
B13-09	Lê Đức Minh Hiếu	814	36	9
B13-10	Trần Đào Phương Hồng	813	38	9.5
B13-11	Nguyễn Lê Mỹ Huyền	812	39	9.8
B13-12	Đỗ Thái Gia Hy	814	38	9.5
B13-13	Nguyễn Trần Nguyên Khang	811	37	9.3
B13-14	Nguyễn Lê Nguyên Khánh	811	39	9.8
B13-15	Phạm Nguyễn Anh Khoa	813	37	9.3
B13-16	Bùi Thanh Khôi	812	39	9.8
B13-17	Ngô Hồng Khánh Linh	812	33	8.3
B13-18	Trịnh Thị Cẩm Ly	811	39	9.8
B13-19	Nguyễn Quang Minh	814	35	8.8
B13-20	Phạm Hoàng Minh	813	39	9.8
B13-21	Võ An Thuận My	814	39	9.8
B13-22	Nguyễn Trà My	813	39	9.8
B13-23	Đinh Trần Hoàng Ngân	814	38	9.5
B13-24	Nguyễn Thái Phương Nghi	814	39	9.8
B13-25	Võ Nguyên Kim Ngọc	811	39	9.8
B13-26	Trần Khoa Nguyên	811	38	9.5
B13-27	Đỗ Thị Yến Như	812	39	9.8
B13-28	Nguyễn Hưng Phát	814	37	9.3
B13-29	Nguyễn Hồ Minh Phương	813	38	9.5
B13-30	Đỗ Trung Quân	814	39	9.8
B13-31	Khuất Minh Tấn	812	28	7
B13-32	Hồ Trần Quang Thắng	814	39	9.8
B13-33	Huỳnh Uyển Thi	812	35	8.8
B13-34	Lê Phạm Anh Thư	811	37	9.3
B13-35	Hoàng Minh Thư	814	37	9.3
B13-36	Lê Thị Kim Thúy	812	39	9.8
B13-37	Nguyễn Kim Tiến	812	38	9.5
B13-38	Nguyễn Vi Yến Trang	811	39	9.8
B13-39	Dương Tú Trang	814	34	8.5
B13-40	Phan Thái Thanh Trúc	812	38	9.5
B13-41	Nguyễn Thị Thanh Trúc	813	39	9.8
B13-42	Ngô Phương Uyên	814	39	9.8
B13-43	Đỗ Đặng Phương Uyên	813	38	9.5
B13-44	Hoàng Ngọc Vy	812	35	8.8
B13-45	Nguyễn Thị Hoàng Linh	811	38	9.5
B13-46				
B13-47				
B13-48				
B13-49				
B13-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B14-01	Trình Ngọc Phương Anh	812	39	9.8
B14-02	Nguyễn Trần Quốc Bảo	814	39	9.8
B14-03	Phạm Cao Hoàng Gia Bảo	813	34	8.5
B14-04	Sầm Tuấn Bình	812	34	8.5
B14-05	Trần Hoàng Bảo Châu	812	30	7.5
B14-06	Lê Thị Thanh Duyên	812	39	9.8
B14-07	Lâm Thành Duyên	811	38	9.5
B14-08	Nguyễn Thị Thủy Dương	813	38	9.5
B14-09	Phan Ngọc Tâm Đăng	814	35	8.8
B14-10	Nguyễn Đoàn Thúy Hằng	814	31	7.8
B14-11	Huỳnh Đỗ Xuân Hảo	811	27	6.8
B14-12	Trần Thanh Hòa	814	31	7.8
B14-13	Thái Mai Văn Hùng	813	32	8
B14-14	Đỗ Đức Huy	814	38	9.5
B14-15	Nguyễn Đức Gia Huy	813	39	9.8
B14-16	Văn Phú Khánh	814	39	9.8
B14-17	Trình Nguyễn Nhứt Khoa	812	31	7.8
B14-18	Trần Ánh Vương Khuê	811	33	8.3
B14-19	Tất Gia Kiệt	812	37	9.3
B14-20	Đỗ Phùng Ngọc Linh	814	30	7.5
B14-21	Trần Thị Thanh Ngân	813	39	9.8
B14-22	Nguyễn Thị Kim Ngân	812	36	9
B14-23	Đặng Thị Kim Ngân	811	37	9.3
B14-24	Vũ Trung Nghĩa	814	39	9.8
B14-25	Lê Minh Nguyệt	812	36	9
B14-26	Lê Thị Yến Nhã	813	38	9.5
B14-27	Đoàn Gia Nhi			
B14-28	Hồ Ngọc Phương Nhi	813	39	9.8
B14-29	Nguyễn Hoàng Oanh	813	36	9
B14-30	Võ Thanh Phát	813	27	6.8
B14-31	Nguyễn Ánh Thành Phát	812	38	9.5
B14-32	Võ Nguyễn Đức Phú	814	37	9.3
B14-33	Trần Văn Quang	811	39	9.8
B14-34	Nguyễn Thị Như Quỳnh	812	30	7.5
B14-35	Lai Phạm Thanh Tâm	814	37	9.3
B14-36	Vòng Ni Thanh	811	39	9.8
B14-37	Hồ Trường Phương Thảo	811	37	9.3
B14-38	Trần Lê Long Thiện	814	23	5.8
B14-39	Trương Vũ Minh Thư	813	39	9.8
B14-40	Lê Ngọc Phương Thùy	812	38	9.5
B14-41	Nguyễn Hữu Trí	811	39	9.8
B14-42	Đỗ Thanh Tùng	812	38	9.5
B14-43	Trần Phạm Minh Uyên	812	36	9
B14-44	Trần Lê Quang Vinh	814	39	9.8
B14-45	Hồ Thị Yến Vy	811	38	9.5
B14-46	Nguyễn Nhật Vy	814	39	9.8
B14-47	Trần Thanh An	812	37	9.3
B14-48				
B14-49				
B14-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : ĐỊA 11

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
B15-01	Trần Thảo An	811	39	9.8
B15-02	Đoàn Thị Hồng Ân	812	39	9.8
B15-03	Nguyễn Trâm Anh	811	39	9.8
B15-04	Minh Anh	814	37	9.3
B15-05	Lê Kiều Anh	812	36	9
B15-06	Phương Đại Bảo	812	39	9.8
B15-07	Nguyễn Anh Minh Châu	811	30	7.5
B15-08	Nguyễn Thị Phương Diễm	812	33	8.3
B15-09	Lê Thùy Dung	814	38	9.5
B15-10	Nguyễn Hồng Quỳnh Duyên	814	38	9.5
B15-11	Nguyễn Trương Mộc Hải	813	37	9.3
B15-12	Trịnh Bảo Hân	814	39	9.8
B15-13	Dương Thanh Hằng	813	36	9
B15-14	Lê Thị Kim Hằng	812	39	9.8
B15-15	Trần Thị Hiền	812	33	8.3
B15-16	Hoàng Thị Quỳnh Hương	812	38	9.5
B15-17	Trần Hoàng Huy	812	36	9
B15-18	Nguyễn Huy Khang	814	39	9.8
B15-19	Nguyễn Bích Khuê	814	39	9.8
B15-20	Lê Nguyễn Ngọc Linh	813	39	9.8
B15-21	Đinh Hồ Khánh Loan	814	39	9.8
B15-22	Đào Thị Diệp Mai	811	38	9.5
B15-23	Nguyễn Hoàng Kim Nga	812	37	9.3
B15-24	Phạm Khánh Nghi	813	39	9.8
B15-25	Lý Chấn Nghiệp	813	37	9.3
B15-26	Phạm Lê Yến Nhi	812	35	8.8
B15-27	Nguyễn Thị Thủy Nhiên	814	39	9.8
B15-28	Lê Thị Quỳnh Như	811	39	9.8
B15-29	Nguyễn Lê Quỳnh Như	814	30	7.5
B15-30	Lê Đoàn Kim Phúc			
B15-31	Nguyễn Yến Phương	812	37	9.3
B15-32	Nguyễn Phạm Như Quỳnh	811	39	9.8
B15-33	Nguyễn Lê Phương Thanh	811	38	9.5
B15-34	Nguyễn Ngọc Tuyết Thanh	812	37	9.3
B15-35	Nguyễn Thị Minh Thư	812	37	9.3
B15-36	Diệp Nguyễn Anh Thư	811	38	9.5
B15-37	Ngô Bảo Trân	813	38	9.5
B15-38	Trần Quốc Trí	812	36	9
B15-39	Phạm Trọng Trí	813	37	9.3
B15-40	Mai Đức Trung	813	37	9.3
B15-41	Nguyễn Xuân Trường Vy	813	39	9.8
B15-42	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	812	38	9.5
B15-43	Lê Khánh Vy	811	35	8.8
B15-44	Võ Khánh Vy	814	39	9.8
B15-45	Võ Ngọc Hạ Vy	813	38	9.5
B15-46	Vòng Vĩnh Xuân	814	38	9.5
B15-47				
B15-48				
B15-49				
B15-50				